Contents

[TIẾT 34. BỘI CHUNG NHỎ NHẤT 1](#_Toc526971505)

[TIẾT 35. LUYỆN TẬP 6](#_Toc526971506)

[TIẾT 36. LUYỆN TẬP 10](#_Toc526971507)

[**Tiết 37: ÔN TẬP CHƯƠNG I** 14](#_Toc526971508)

[Tiết 38. ÔN TẬP CHƯƠNG I (tiếp 19](#_Toc526971509)

[Tiết 39: KIỂM TRA 45’ ( CHƯƠNG I) 23](#_Toc526971510)

Ngày soạn:....................... Ngày dạy:........................... Lớp :........... Tiết :..........

# TIẾT 34. BỘI CHUNG NHỎ NHẤT

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

Qua bài này giúp học sinh :

**1. Kiến thức**:

- HS biết tìm bội chung của hai hay nhiều số bằng cách liệt kê các ước rồi tìm các phần tử chung của hai tập hợp.

- HS biết tìm bội chung nhỏ nhất của hai hay nhiều số bằng cách phân tích các số đó ra thừa số nguyên tố, từ đó biết cách tìm các bội chung của hai hay nhiều số.

**2. Kĩ năng**: HS biết cách tìm bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hay nhiều số. Rèn kĩ năng tìm bội chung, bội chung nhỏ nhất trong các bài toán thực tế đơn giản.

**3. Thái độ**: Rèn luyện HS tính cẩn thận, chính xác khi làm bài tập.

**4. Định hướng năng lực , phẩm chất.**

*Năng lực:* năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ; năng lực tính toán, tư duy logic.

*Phẩm chất :* Tự tin và tự chủ

**II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS**

**1. Giáo viên**: nghiên cứu chương trình SGK, tài liệu tham khảo.

**2. Học sinh**: SGK, Vở ghi, ĐDHT, nghiên cứu **§**18 SGK, ôn các các kiến thức về bội chung và bội chung nhỏ nhất

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

1. Ổn định lớp : Kiểm tra sĩ số (1p)

2. Nội dung

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | | **Hoạt động của HS** | | **NỘI DUNG** | | |
| **A: Hoạt động khởi động (4’)**  ***Mục tiêu:*** HS nêu được thế nào là BC, BCNN của hai hay nhiều số. Biết cách tìm bội của một số.  ***Phương pháp****:* thuyết trình, vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề. | | | | | | |
| Tổ chức trò chơi: Mỗi người đưa ra một số khác nhau và khác 0 rồi cùng nhau thảo luận xem số nào khác 0 là số nhỏ nhất trong các bội chung của hai số đó. | | HS báo cáo nhiệm vụ giao về nhà những Việc đã làm và những Việc chưa làm được.  HS thực hiện | |  | | |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức.**  **Hoạt động 1: Bội chung nhỏ nhất (8p)**  ***Mục tiêu:***HS nắm được thế nào là bội chung nhỏ nhất.  ***Phương pháp:***Đàm thoại, luyện tập thực hành | | | | | | |
| GV: *Số nhỏ nhất khác 0 trong tập hợp các bội chung của 6 và 8 là bao nhiêu*?  - GV: Giới thiệu 24 là BCNN của 6 và 8 và kí hiệu.  - GV cho HS tự nghiên cứu ví dụ trong SGK.  - GV: *Vậy BCNN của hai hay nhiều số là gì?*  - GV: *Hãy nhận xét về quan hệ giữa BC và BCNN*?  - *Hãy tìm BCNN(8,1)*  *BCNN(4,6,1)*  GV: Nêu chú ý về trường hợp tìm BCNN  của nhiều số mà có một số bằng 1  GV phát phiếu cho HS làm bài tập củng cố :  Mỗi câu sau đúng hay sai?  a) Số 0 là bội chung của 3 và 5  b) BCNN (3; 5) = 0  c) BCNN (3;5) = 1  GV nhận xét, chốt.  GV :Để tìm BCNN của hai hay nhiều số ta tìm tập hợp các BC của hai hay nhiều số. Số nhỏ nhất khác 0 chính là BCNN. Vậy có cách nào tìm BCNN mà không cần liệt kê như vậy ?  Ta sang phần 2. | | HS: Đứng tại chỗ trả lời  HS nghe giảng.  HS nghiên cứu ví dụ  HS đứng tại chỗ trả lời.  *Bội chung nhỏ nhất của hai hay nhiều số là số nhỏ nhất khác 0 trong tập hợp các bội chung của các số đó.*  HS: *Tất cả các BC của đều là bội của BCNN.*  HS: Thực hiện yêu cẩu  HS: thực hiện cá nhân.  Đúng  Đúng  Sai | | **1.Bội chung nhỏ nhất**  Ví dụ  B(6) = {0;6;12;18; 24; 30; 36; 42 ;48 ; …}  B(8)= {0; 8; 16; 24; 32; 40;48 ; …}  BC(6, 8) = {0; 24; 48; …}  \* Số nhỏ nhất khác 0 trong BC(6, 8) là 24  Ta nói đó là bội chung nhỏ nhất (BCNN) của 6 và 8  Kí hiệu: BCNN(6, 8) = 24  Ví dụ (SGK)  \* Định nghĩa: (SGK)  \*Nhận xét  - Tất cả các bội chung của 4 và 6 dều là bội của bội chung nhỏ nhất của 4 và 6  \* Chú ý:  BCNN(a,1) = a  BCNN(a,b,1) = BCNN(a,b)  BCNN(8,1) = 8  BCNN(4,6,1) = (4,6) | | |
| **Hoạt động 2: Tìm BCNN bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố (12’)**  **Mục tiêu:** HS tìm được BCNN của 2 hay nhiều số. Rèn kĩ năng tìm BCNN của 2 hay nhiều số, phân tích một số ra thừa số nguyên tố.  **Phương pháp**: thuyết trình, vấn đáp, hoạt động nhóm .. | | | | | | |
| - GV: Xét ví dụ: Tìm BCNN (8; 18; 30)  - GV: cho HS làm theo yêu cầu  + Hãy phân tích các số trên ra thừa số nguyên tố  + Hãy chỉ ra các thừa số nguyên tố chung và riêng  + Lập tích các thừa số vừa chọn, mỗi thừa số lấy với số mũ lớn nhất  - GV: gọi HS lên làm yêu cầu 1  - GV: gọi HS nhận xét, đưa ra yêu cầu 2  - GV: hướng dẫn HS làm 2 yêu cầu còn lại  => khi đó tích này là BCNN (8,18,30)  - GV: Để tìm được BCNN này ta đã thực hiện những bước nào?  - GV: đây chính là quy tắc tìm BCNN bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố  - GV: đưa quy tắc lên màn hình, gọi HS đọc quy tắc  - GV: yêu cầu HS áp dụng quy tắc làm ?1  - GV: gọi HS lên bảng  - GV: gọi HS nhận xét, bổ sung  - GV: chữa bài, nhấn mạnh theo từng bước  - GV: yêu cầu HS thảo luận theo cặp trong 2 phút  Tổ 1: ƯCLN (8,9)  Tổ 2: ƯCLN (8,12,15)  Tổ 3: ƯCLN (5,50)  Tổ 4: ƯCLN (24,16,8)  - GV: thu bài của HS lên bảng chữa  - GV: nhấn mạnh chú ý. | | | - HS: làm theo các yêu cầu của GV  - HS: lên bảng làm yêu cầu  - HS: trả lời dựa vào các yêu cầu đã thực hiện  - HS: đọc quy tắc  - HS: làm ?1  - HS: nhận xét  - HS: thảo luận theo cặp theo yêu cầu.  - Các cặp thống nhất bài  - Nộp bài GV chữa | | **1. Tìm bội chung nhỏ nhất bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố**  \* Ví dụ 2:  Tìm BCNN(8,18,30)  8 = …  18 = …  30 = …  Thừa số nguyên tố chung là: …  Thừa số nguyên tố riêng là: …  Tích …  \* Quy tắc: (SGK. 58)  \* ?1: BCNN(8,12)  \* Chú ý: SGK.58 | |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu Cách tìm Bội chung thông qua tìm BCNN (10’)**  **Mục tiêu:** HS tìm được BCNN của 2 hay nhiều số. Biết tìm BC thông qua tìm BCNN. Rèn kĩ năng tìm BCNN của 2 hay nhiều số, phân tích một số ra thừa số nguyên tố.  **Phương pháp**: thuyết trình, vấn đáp, .. | | | | | | |
| - GV: yêu cầu HS xem ví dụ 3 SGK. 59  - Từ đó rút ra cách tìm Cách tìm BC thông qua BCNN | | | - HS: quan sát ví dụ 3  - HS: rút ra cách tìm | | **2. Cách tìm Bội chung thông qua tìm BCNN**  \* Ví dụ 3: SGK  Vì: x  8 ; x  18 và x  30  Nên: x  BC(8; 18; 30)  8 = 23  18 = 2 . 32  30 = 2 . 3 . 5  BCNN(8; 18; 30) = 360.  BC(8; 18; 30) = {0; 360; 720; 1080...}  Vì: x < 1000  Nên: A = {0; 360; 720}  => Cách tìm BC thông qua BCNN: SGK. 59 | |
| **C. Hoạt động luyện tập. (5p)**  ***Mục tiêu:***HS nắm được thế nào là bội chung nhỏ nhất và cách tìm bội chung nhỏ nhất.  ***Phương pháp:***Đàm thoại, luyện tập thực hành | | | | | | |
| GV cho hs làm bài tập sau :  **Ai làm đúng?**  36 = 22 . 32  84 = 22 . 3 .7  168 = 23 . 3 .7  **Bạn Lan :**  BCNN(36, 84, 168) = 23 .32 = 72  **Bạn Nhung :**  BCNN(36, 84, 168) = 22 .3 .7 = 84  **Bạn Hoa**  BCNN(36, 84, 168) = 23 .32.7 = 504  GV: Yêu cầu hs hoạt động theo nhóm bàn  GV: Nhận xét. | | | - HS đọc, tìm hiểu đề và làm bài  - HS hoạt động theo nhóm bàn và đưa ra câu trả lời. | | Hướng dẫn :  **Bạn Lan :**  BCNN(36, 84, 168) = 23 .32 = 72  **Bạn Nhung :**  BCNN(36, 84, 168) = 22 .3 .7 = 84  **Bạn Hoa**  BCNN(36, 84, 168) = 23 .32.7 = 504  Bạn Hoa làm đúng. | |
| **D. Hoạt động vận dụng (3p)**  ***Mục tiêu:***HS vận dụng kiến thức vào thực tế để giải toán.  ***Phương pháp:***Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành | | | | | | |
| GV: Nêu yêu cầu bài toán:  Học sinh lớp 6A khi xếp hàng 2,hàng 3, hàng 4, hàng 8 đều vừa đủ hàng. Biết số học sinh lớp đó trong khoảng từ 35 đến 60 . tính số học sinh của lớp 6A?  GV: Cho hs thảo luận nhóm và đưa ra câu trả lời  GV: Nhận xét và chốt. | | | HS đọc đề bài  HS thảo luận và cử đại diện nhóm trình bày | | Hướng dẫn:  - Gọi số HS lớp 6A là a.Khi xếp hàng 2 hàng 3, hàng 4, hàng 8 đều vừa đủ vậy a 2, a3, a4, a8 và 35 < a < 60 => a  BCNN(2,3,4,8)  BCNN(2,3,4,8) = 24  => a = 48 | |
| **E. Hoạt động mở rộng, tìm tòi (3p)**  ***Mục tiêu:***HS chủ động làm các bài tập về nhà.  ***Phương pháp:***Ghi chép. | | | | | | |
| Bài toán : Một số học sinh khi xếp hàng 2,hàng 3, hàng 4, hàng 5 hàng 6 đều thiếu 1 người. Nhưng xếp hang 7 thì vừa đủ Biết số học sinh chưa đến 300 . tính số học sinh đó?  Học quy tắc tìm BCNN bằng cách phân tích ra thừa số nguyên tố; tìm BC thông qua BCNN.  - Làm bài tập 150, 151 SGK/59; 188, 191, 192 SBT/30.  - Chuẩn bị bài cho tiết sau “Luyện tập”. | HS ghi chép | | | | |  |

|  |
| --- |
| Ngày soạn:....................... Ngày dạy:........................... Lớp :........... Tiết :.......... |

# TIẾT 35. LUYỆN TẬP

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

Qua bài này giúp học sinh :

**1. Kiến thức**: Khắc sâu kiến thức bội chung, bội chung nhỏ nhất thông qua Hoạt động giải bài tập.

**2. Kĩ năng**: Rèn kĩ năng tìm BC; BCNN, kĩ năng phân tích một số thừa số nguyên tố

**3. Thái độ:** Rèn luyện ý thức tự học, tự làm bài, có thái độ học tập đúng đắn.

**4. Định hướng năng lực , phẩm chất.**

*Năng lực:* năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ; năng lực tính toán, tư duy logic.

*Phẩm chất :* Tự tin và tự chủ

**II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS**

**1. Giáo viên**: Chuẩn bị hệ thống bài tập luyện tập.

Phấn màu, bảng phụ, bút dạ.

**2. Học sinh**: SGK, Vở ghi, đồ dùng học tập, chuẩn bị bài tập luyện tập, ôn tập kiến thức về BC, BCNN, phân tích một số ra thừa số nguyên tố

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

1. Ổn định lớp : Kiểm tra sĩ số (1p)

2. Nội dung

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **A: Hoạt động khởi động (4’)**  ***Mục tiêu:*** HS nắm được cách tìm BCNN của 2 hay nhiều số. Rèn kĩ năng tìm BCNN của 2 hay nhiều số, phân tích một số ra thừa số nguyên tố.  ***Phương pháp****:* thuyết trình, vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề. | | |
| - GV: nêu yêu cầu kiểm tra  + Thế nào là BCNN của hai hay nhiều số ? nêu cách tìm BCNN.  + Áp dụng tìm BCNN(3,7)  + Chữa bài tập 150 SGK. 56  - GV: gọi HS nhận xét, bổ sung  - GV: nhận xét, cho điểm  - GV: chúng ta cùng nhau luyện tập tìm BCNN của hai hay nhiều số. | - 3 HS lên bảng thực hiện trả lời  - HS: nhận xét bổ sung |  |
| **B. Hoạt động luyện tập. (30p)**  ***Mục tiêu:*** HS nắm được cách tìm BCNN của 2 hay nhiều số. Rèn kĩ năng tìm BCNN của 2 hay nhiều số, phân tích một số ra thừa số nguyên tố. Biết giải bài toán thực tế thông qua tìm BCNN của 2 hay nhiều số.  ***Phương pháp****:* thuyết trình, vấn đáp, Hoạt động nhóm .. | | |
| ***Dạng 1 : Tìm BCNN, tìm BCNN rồi tìm BC của hai hay nhiều số (15p)*** | | |
| - GV: tổ chức, hướng dẫn HS thực hiện giải các bài tập  - Bài 152 SGK .59:  - GV: Yêu cầu HS đọc đề trên bảng phụ và phân tích đề.  ? a15 và a18 và a nhỏ nhất khác 0. Vậy a có quan hệ gì với15 và 18?.  - GV: Cho học sinh Hoạt độngnhóm.  - GV: Gọi đại diện nhóm lên trình bày, nhận xét và ghi điểm.  **Bài 155 SGK.60:**  - GV: Kẻ bảng sẵn yêu cầu học sinh thảo luận nhóm lên bảng điền vào ô trống và so sánh ƯCLN(a,b). BCNN(a,b) với tích a. b.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | a | 6 | 150 | 28 | 50 | | b | 4 | 20 | 15 | 50 | | ƯCLN  (a,b) | 2 |  |  |  | | BCNN  (a,b) | 12 |  |  |  | | ƯCLN  (a,b).BCNN  (a,b) | 24 |  |  |  | | a.b | 24 |  |  |  |   - GV: Nhận xét ƯCLN(a,b). BCNN(a,b) = a.b. | - HS: a là BCNN của 15 và 18.  - HS: Thảo luận theo nhóm.  - HS: cử đại diện lên trình bày  - HS: Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - HS: Thực hiện yêu cầu của GV. | **Bài 152 SGK.59**  Vì: a15; a18 và a nhỏ nhất khác 0.  Nên a = BCNN(15,18)  15 = 3.5  18 = 2.32  BCNN(15,18) = 2.32.5 = 90  **Bài 155 SGK .60**  (Phần khung bên cạnh)   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | a | 6 | 150 | 28 | 50 | | b | 4 | 20 | 15 | 50 | | ƯCLN  (a,b) | 2 | 10 | 1 | 50 | | BCNN  (a,b) | 12 | 300 | 420 | 50 | | ƯCLN  (a,b).BCNN(a,b) | 24 | 3000 | 420 | 2500 | | a.b | 24 | 3000 | 420 | 2500 | |
| ***Dạng 2 : Tìm các BC thỏa mãn điều kiện cho trước(15p)*** | | |
| **Bài 153 SGK /59:**  - GV: Nêu cách tìm BC thông qua tìm BCNN?  - GV: yêu cầu học sinh thảo luận nhóm.  - Gọi đại diện nhóm lên bảng trình bày. | - HS:  + Cho số học sinh khi xếp hàng 2; hàng 3; hàng 4; hàng 8 đều vừa đủ hàng và số học sinh trong khoảng từ 35 đến 66.  + Hỏi: Tính số học sinh của lớp 6C.  - HS: Số học sinh phải là bội chung của 2; 3; 4; 8. | **Bài 153 SGK .59**  30 = 2.3.5  45 = 32.5  BCNN(30,45) = 2.32.5 = 90  BC(30,45) = {0; 90; 180; 270; 360; 450; 540;…}.  Vì: Các bội nhỏ hơn 500. Nên: Các bội cần tìm là: 0; 90; 180; 270; 360; 450. |
| ***Dạng 3: Bài toán thực tế:*** | | |
| **Bài 154 SGK /59:**  - GV: Yêu cầu học sinh đọc đề trên bảng phụ và phân tích đề.  - Cho học sinh thảo luận nhóm.  ? Đề cho và yêu cầu gì?  - GV: Số học sinh khi xếp hàng 2; hàng 3; hàng 4; hàng 8 đều vừa đủ hàng. Vậy số học sinh là gì của 2; 3; 4; 8?  - GV: Gợi ý: Gọi a là số học sinh cần tìm.  - GV: Gọi đại diện nhóm lên bảng trình bày.  - GV: Nhận xét, đánh giá, ghi điểm. | - HS: Thảo luận theo nhóm.  - HS: Thực hiện yêu cầu của GV | **Bài 154 SGK.59**  - Gọi a là số học sinh lớp 6C  Theo đề bài: 35 a  60  a2; a3; a4; a8.  Nên: aBC(2,3,4,8)  và 35 a  60  BCNN(2,3,4,8) = 24  BC(2,3,4,8) = {0; 24; 48; 72;…}  Vì: 35 a  60. Nên a = 48.  Vậy: Số học sinh của lớp 6C là 48 em. |
| **C. Hoạt động vận dụng (7p)**  ***Mục tiêu:***HS vận dụng kiến thức vào thực tế để giải toán.  ***Phương pháp:***Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành | | |
| Nhiều nước phương đông, trong đó có Việt Nam, gọi tên năm âm lịch bằng cách ghép 10 can (theo thứ tự là Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỉ , Canh, Tân, Nhâm, Quý), với 12 chi (Tí, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tị, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi). Đầu tiên Giáp được ghép với Tí thành năm Giáp Tí. Cứ 10 năm, Giáp lại được lặp lại. Cứ 12 năm Tí lại được lặp lại. Như vậy cứ sau 60 năm (60 là BCNN của 10 và 12) Năm giáp tí lại được lặp lại. Tên của ccs năm âm lịch khác cũng lặp lại sau 60 năm.  Hãy tra lịch hoặc hỏi người thân xem năm sinh của em thuộc can chi gì? Tìm 2 năm có chung can chi với năm sinh của em | HS : thực hiện. |  |
| **D. Hoạt động mở rộng, tìm tòi (3p)**  ***Mục tiêu:***HS chủ động làm các bài tập về nhà.  ***Phương pháp:***Ghi chép. | | |
| Một đoàn quân có khoảng từ 4000 đến 4500 người, khi xếp hàng 22 hàng 24 hoặc hàng 32 thì đều vừa đủ hàng.Hỏi đoàn quân đó có bao nhiêu người  \*Về nhà  -Học thuộc bài.  - Làm các bài tập từ 156 đến 158 (sgk/60) và các bài tập từ 291 đến 297 (SBT/51).  Chuẩn bị tiết sau:  **“Luyện tập”(tiếp).** | HS : Ghi chép |  |

|  |
| --- |
| Ngày soạn:....................... Ngày dạy:........................... Lớp :........... Tiết :.......... |

# TIẾT 36. LUYỆN TẬP

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

Qua bài này giúp học sinh

**1. Kiến thức**: Tiếp tục khắc sâu kiến thức bội chung, bội chung nhỏ nhất thông qua Hoạt động giải bài tập.

**2. Kĩ năng**: Tiếp tục rèn kĩ năng tìm BCNN; tìm BC thông qua BCNN, tìm BC của nhiều số trong khoảng cho trước.

**3. Thái độ:**

**+** Tự giác, tích cực, chủ động, thêm yêu thích bộ môn.

+ Rèn luyện ý thức tự học, tự làm bài, có thái độ học tập đúng đắn.

**4. Định hướng năng lực , phẩm chất.**

*Năng lực:* năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ; năng lực tính toán, tư duy logic.

*Phẩm chất :* Tự tin và tự chủ

**II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS**

**1. Giáo viên**: Chuẩn bị hệ thống bài tập luyện tập.

Phấn màu, bảng phụ, bút dạ.

**2. Học sinh**: SGK, Vở ghi, đồ dùng học tập, chuẩn bị bài tập luyện tập, ôn tập kiến thức về BC, BCNN, phân tích một số ra thừa số nguyên tố.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

1. Ổn định lớp : Kiểm tra sĩ số (1p)

2. Nội dung

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| **A: Hoạt động khởi động (8’)**  **Mục tiêu:** HS nêu được 2 cách tìm BCNN của 2 hay nhiều số.  **Phương pháp**: thuyết trình, vấn đáp, .. | | |
| Trò chơi “Chạy tiếp sức”: Giáo viên chuẩn bị sẵn một số bài Toán có nội dung liên quan đến bài học  Giáo viên bốc thăm chọn ra 3 đội chơi. Khi có hiệu lệnh của giáo viên, lần lượt từng thành viên của 3 đội dùng phấn lên viết đáp án tương ứng vào phần bảng của đội mình.  Mỗi lần lên bảng chỉ được ghi một câu trả lời. Học sinh này ghi xong, chạy về trao phấn cho bạn để bạn đó được lên bảng. Người lên sau có thể sửa kết quả của người lên trước, nhưng khi sửa thì không được làm thêm việc khác, hết lượt có thể vòng lại lượt 2, 3...).  Thời gian chơi 3phút, đội nào xong trước là đội giành chiến thăng về mặt thời gian. Khi hết giờ chơi, giáo viên ra hiệu lệnh dừng cuộc chơi. Giáo viên và cả lớp cùng đánh giá, cho điểm, đội chiến thắng là đội hết ít thời gian mà có kết quả tốt nhất.  ***Câu hỏi*** : Tìm 5 bội chug của (6,8). Tìm số nhỏ nhất trong tập hợi bội chung đó. | Hs chia đội thảo luận làm bài theo dãy , học sinh trao đổi 2 phút |  |
| **B. Hoạt động luyện tập. (28p)**  **Mục tiêu:** HS nắm được cách tìm BCNN của 2 hay nhiều số. Rèn kĩ năng tìm BCNN của 2 hay nhiều số, phân tích một số ra thừa số nguyên tố. Biết giải bài toán thực tế thông qua tìm BCNN của 2 hay nhiều số.  **Phương pháp**: thuyết trình, vấn đáp, Hoạt độngnhóm | | |
| **Dạng 1: tìm x (12p)** | | |
| GV: tổ chức, hướng dẫn HS thực hiện giải các bài tập  **Bài 156 SGK.60:**  - GV: Cho học sinh đọc và phân tích đề  - GV: Yêu cầu học sinh Hoạt động nhóm.  ? x12; x21; x28. Vậy x có quan hệ gì với 12; 21 và 28?  - GV: Theo đề bài cho 150  x  300. Em hãy tìm x?  - GV: Cho lớp nhận đánh giá, ghi điểm.  **Bài 291 (SBT/51).**  - Tìm số tự nhiên x lớn nhất có ba chữ số, biết rằng x chia cho các số 20 ; 25 ; 30 đều dư 15.  - GV :Yêu cầu HS hoạt động theo nhóm  - GV: Gọi HS nhận xét  - GV: nhận xét, đánh giá. | HS: x BC(12,21,28).  - HS: Thảo luận nhóm và đại diện nhóm lên trình bày.  - HS: nhận xét, bổ sung  HS thảo luận theo nhóm  HS trình bày kết quả thảo luận với GV  HS nhận xét | **Bài 156 SGK.60**  Ta có x12; x21 và x28  = x  BC(12; 21; 28)  12 = 22.3  21 = 3.7  28 = 22.7  BCNN(12; 21; 28) = 22.3.7 = 84.  BC(12; 21; 28) = {0; 84; 168; 252; 336;…}  mà 150  x  300  Nên: x{168; 252}  **Bài 291 (SBT/51).**  **Giải :**  a chia cho các số 20 ; 25 ; 30 đều dư 15  (x - 15)  BC(20 ; 25 ; 30).  20 = 22. 5 ; 25 = 52 ; 30 = 2. 3. 5  BCNN(20 ; 25 ; 30) = 22. 3. 52 = 300  BC(20 ; 25 ; 30) = B(300)  (x - 15)  {0 ; 300 ; 600 ; 900 ; … }  x {15 ; 315 ; 615 ; 915 ; … }  Mà x lớn nhất có ba chữ số, do đó a = 915. |
| **Dạng 2: Toán có nội dung thực tế ( 16p)** | | |
| **Bài 157 SGK.60:**  - GV: Cho học sinh đọc và phân tích đề.  - GV: Ghi tóm tắt và hướng dẫn học sinh phân tích đề trên bảng.  An: Cứ 10 ngày lại trực nhật.  Bách: Cứ 12 ngày lại trực nhật.  Lần đầu cả hai bạn cùng trực.  ? Sau ít nhất bao nhiêu ngày thì hai bạn cùng trực nhật?  - GV: Theo đề bài thì sẽ có bao nhiêu lần hai bạn cùng trực nhật?.  - GV: Gọi a là số ngày ít nhất hai bạn lại cùng trực nhật, a phải là gì của 10 và 12?  - GV: Cho học sinh thảo luận nhóm.  - GV: Cho lớp nhận xét, đánh giá và ghi điểm.  **Bài 158 SGK.60:**  - GV: Cho học sinh đọc và phân tích đề.  ? Gọi a là số cây mỗi đội trồng, theo đề bài a phải là gì của 8 và 9?  - GV: Số cây phải trồng khoảng từ 100 đến 200, suy ra a có quan hệ gì với số 100 và 200?  - GV: Yêu cầu học sinh Hoạt động nhóm và lên bảng trình bày. | HS: đọc đề và phân tích đề  - HS: Trả lời.  - HS: a là BCNN(10,12).  - HS: Thảo luận nhóm và cử đại diện nhóm lên trình bày  - HS: đọc đề và phân tích  - HS: a phải là BC(8,9).  - HS: 100  a  200.  - HS: Thực hiện yêu cầu của GV | **Bài 157 SGK.60**  Gọi a là số ngày ít nhất hai bạn cùng trực nhật.  Theo đề bài: a10; a12  Nên: a = BCNN(10,12)  10 = 2.5  12 = 22.3  BCNN(10; 12) = 22.3.5 = 60  Vậy: Sau ít nhất 60 ngày thì hai bạn lại cùng trực nhật.  **Bài 158 SGK.60**  Gọi số cây mỗi đội phải trồng là a  Theo đề bài ta có: a8; a9  => a  BC(8; 9)  BCNN(8, 9) = 8.9 = 72  BC(8,9)={0;72;144; 216;…}  Vì: 100 a 200  Nên: a = 144  Vậy: Số cây mỗi đội phải trồng là 144 cây. |
| **C. Hoạt động vận dụng (5p)**  ***Mục tiêu:***HS vận dụng kiến thức vào thực tế để giải toán.  ***Phương pháp:***Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành | | |
| HS đọc mục có thể em chưa biết "Lịch can chi" - sgk/60.  Năm 2016 là năm Bính Thân, năm Bính Thân tiếp theo sẽ là năm nào? Năm Bính Thân đầu tiên của thiên niên kỉ thứ 3 là năm nào? | HS đọc mục em chưa biết.  HS: suy nghĩ trả lời. | Hướng dẫn:  Năm Bính Thân tiếp theo là năm 2076.  Ta có :thiên niên kỉ thứ ba là từ 30 đến 40 năm mà cứ 60 năm lại có một năm Bính Thân Để thiên niên kỉ thứ 3 có 1 năm Bính Thân thì phải có 1 số tận cùng là 6 mà 2016-36=1980  mà 1980 chia hết cho 60nên năm đó là năm thứ 36 |
| **D. Hoạt động mở rộng, tìm tòi (3p)**  ***Mục tiêu:***HS chủ động làm các bài tập về nhà.  ***Phương pháp:***Ghi chép. | | |
| Ôn lại bài.  - Trả lời các câu hỏi phần ôn tập chương I (sgk/61).  - Kẻ sẵn bảng hệ thống hoá kiến thức chương I (sgk/62).  - Làm bài tập từ 159 đến 163 (sgk/63) và bài tập từ 298 đến 305 (SBT/53 + 54). | HS ghi chép |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: ……………… | Lớp: ……….. Tiết: ……. |
|  |  |  |

**Tiết 37: ÔN TẬP CHƯƠNG I**

1. **MỤC TIÊU BÀI HỌC**

Qua bài này học sinh cần nắm được:

**1. Kiến thức**: Ôn tập cho HS các kiến thức đã học về các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa.

**2. Kĩ năng**: HS biết vận dụng các kiến thức trên vào giải các bài tập về thực hiện các phép tính, tìm số chưa biết.

**3. Thái độ:** Rèn luyện kỹ năng tính toán cẩn thận, đúng và nhanh, trình bày khoa học.

**4. Định hướng năng lực được hình thành:**

- Năng lực chung: năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ

- Năng lực chuyên biệt: năng lực tính toán, tư duy logic.

**II.CHUẨN BỊ**

1. **Giáo viên:** Giáo án,SGK,SGV

Bút dạ,phấn màu, bảng phụ ghi nội dung bảng sgk trang 62.

**2. Học sinh**: SGK, Vở ghi, đồ dùng học tập, ôn tập các câu hỏi ôn tập, làm bài tập

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức:** Kiểm tra sĩ số (1’)

**2. Các hoạt động dạy và học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| **A.Hoạt động khởi động (Ôn tập lý thuyết)**  **Mục tiêu:**  HS nắm chắc các phép toán trong tập hợp số tự nhiên: cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa, Các khái niệm chia hết.  **Phát triển năng lực:**  năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác giải quyết vấn đề, năng lực sử dụng ngôn ngữ,…  **Phương pháp**: Thảo luận nhóm, tự đánh giá,… | | |
| - **GV:** Đưa ra phiếu học tập.  **?** Thảo luận nhóm điền vào phiếu học tập?  Thời gian hoạt động nhóm: 5phút.  **GV:**Cho HS trao đổi chéo đánh giá nhận xét bài làm của nhóm khác.  **GV**: Đưa bảng phụ (trình chiếu đáp án ).Nhận xét đánh giá chung.  (Phiếu học tập là phần ghi bảng có để dấu … để điền những chỗ mực đỏ) | **- HS:**  chia nhóm thảo luận điền vào phiếu học tập  - **HS**:Trao đổi nhận xét các nhóm. | **I. Lý thuyết**  **1. Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tính chất | **Phép cộng** | **Phép nhân** | | Giao hoán |  |  | | Kết hợp |  |  | | Tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng |  | |   **2. Phép trừ, phép chia:**  a) Phép trừ:  Điều kiện để phép trừ  thực hiện được là:  b) Phép chia:    - Nếu  ta có phép chia hết:  - Nếu  thì ta có phép chia có dư hay a b  **3. Lũy thừa với số mũ tự nhiên**  - ĐN:    n thừa số  gọi là : cơ số  n gọi là số mũ  - Các công thức : |
| **B.Hoạt động Luyện tập \_ Vận dụng**  **Mục tiêu:** Rèn kĩ năng tính toán trên tập hợp số tự nhiên. Biết cách áp dụng tính chất của các phép toán để tính nhanh.  **Phát triển năng lực:** năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực hợp tác...  **Phương pháp**: Thuyết trình, vấn đáp, hợp tác nhóm .. | | |
| **Làm bài 159 SGK\_Tr63.**  - **GV**: Áp dụng phần lý thuyết về các phép tính trong tập hợp số tự nhiên làm bài 159.  Gọi HS lên bảng làm  **?**Em có nhận xét gì về kết quả của các phép tính khi:  +.SBT = ST  +. SBT = SC  +.Một số (+); (-) hoặc (.) với số 0  +. Một số(.) hoặc (:) cho số 1.  **-Làmbài160SGK\_Tr63**  **?** Hãy nhắc lại thứ tự thực hiện các phép tính ?  **GV** cho 2 HS lên bảng thực hiện:  **HS** cả lớp cùng làm  **GV chốt lại**: Qua bài tập này các em cần nhớ:  + Thứ tự thực hiện các phép tính  + Thực hiện đúng quy tắc nhân và chia hai luỹ thừa cùng cơ số.  + Biết tính nhanh bằng cách áp dụng tính chất của phép toán.  **-Làm bài 161 SGK \_ Tr 63**  **GV:**  **?**  là gì trong phép trừ trên?  **?**Nêu cách tìm số trừ?  - **GV:** Cho học sinh hoạt động nhóm đôi vào bảng nhóm. Gọi đại diện 2 nhóm lên trình bày phần a và phần b.  **GV**: Hỏi nhóm làm phần b  **?**Nêu cách tìm x trong phần b?  Gọi nhóm khác đánh giá nhận xét  **GV**: Đánh giá nhận xét chung  **GV:** Củng cố qua bài 161 giúp ta ôn lại kiến thức nào ?. | - **HS** thực hiện làm bài.  - **HS** suy nghĩ trả lời  **HS**: Phát biểu  **HS1**:Làm câu a, câu c  **HS2**:Làm câu b, câu d  - **HS:** Là số trừ chưa biết.  **- HS:** Ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu  - **HS**: Thực hiện yêu cầu của giáo viên.  -**HS:**Tìm là thừa số chưa biết.  Lấy tích chia cho thừa số đã biết.  **HS:** Ôn lại cách tìm các thành phần chưa biết trong các phép tính | **II. Bài tập**  ***Dạng 1: Tính***  **Bài 159 (SGK\_Trang63)**    **Bài 160 (SGK\_Trang 63)**    ***Dạng 2 :Tìm x***  **Bài 161 (SGK\_Trang 63)**  Tìm số tự nhiên  biết    Vậy    Vậy |
| **C.Hoạt động tìm tòi, sáng tạo**  **Mục tiêu:** Giải quyết được một số bài tập khó hơn của thực hiện phép tính kết hợp lũy thừa.  **Phát triển năng lực:** Tìm tòi ,sáng tạo của học sinh,năng lực tư duy logic trong giải bài toán  **Phương pháp**: Vấn đáp, thuyết trình,… | | |
| **GV:** Treo bảng phụ (trình chiếu) đề bài.  **?** Nhận xét về cơ số và số mũ của M?  **?** Nêu cách đơn giản biểu thức?  Gọi HS lên bảng thức hiện  Tương tự gọi HS làm phần b  **?** Nêu công thức tính cho dạng bài? | HS :  Cơ số giống nhau, số mũ tăng dần từ 0=>100  Nhân cả 2 vế với 2 rồi trừ từng vế.  -HS : nêu | **Bài 1: Tính**    Giải  a/Ta có:        b/ |

**3. Củng cố:**

- Hệ thống lại các kiến thức ôn tập.

- Khắc sâu cách thực hiện các phép tính, tìm x.

**4. Hướng dẫn về nhà:**

- Nắm chắc tính chất các phép toán, thứ tự thực hiện các phép tính.

- Làm bài tập: 159, 162, 163 (SGK – Tr63)

- Học sinh giỏi làm thêm :

**Bài tập BS :**Tính và so sánh

 và 

\* **Hướng dẫn** bài tập 163: *Chú ý: Các số chỉ giờ không quá 24.*

Lần lượt điền các số 18; 33; 22; 25 => Trong 1 giờ chiều cao ngọn nến giảm đi: (33 -25) : 4 = 2cm

- Ôn tập theo các câu hỏi ôn tập theo SGK từ câu 5 đến câu 10.

- Tiết sau tiếp tục ôn tập chương I.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: ……………… | Lớp: ……….. Tiết: ……. |
|  |  |  |

# Tiết 38. ÔN TẬP CHƯƠNG I (tiếp

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

Qua bài này học sinh cần nắm được:

**1. Kiến thức**: Ôn tập cho HS các kiến thức đã học về tính chất chia hết của một tổng, các dấu hiệu chia hết cho 2; 3; 5; 9. Số nguyên tố và hợp số, ước chung và bội chung, ƯCLN và BCNN.

**2. Kĩ năng**: HS biết vận dụng các kiến thức trên vào bài toán thực tế.

**3. Thái độ:** Rèn luyện kỹ năng tính toán cẩn thận, đúng và nhanh, trình bày khoa học

**4. Định hướng năng lực được hình thành:**

-Năng lực chung: năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ

- Năng lực chuyên biệt: năng lực tính toán, tư duy logic.

**II.CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên**: Chuẩn bị hệ thống câu hỏi ôn tập và bài tập.

Phấn màu, bảng phụ, bút dạ.

**2. Học sinh**: SGK, Vở ghi, đồ dùng học tập, ôn tập các câu hỏi ôn tập, làm bài tập

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức:** Kiểm tra sĩ số (1’)

**2. Các Hoạt động dạy và học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung kiến thức cần đạt** |
| **A.Hoạt động khởi động (Ôn tập lý thuyết)**  **Mục tiêu:** HS phát biểu được các tính chất chia hết, các dấu hiệu chia hết. Biết cách sử dụng các tính chất, dấu hiệu để kiểm tra một tổng, một hiệu,... có chia hết cho một số hay không. HS phát biểu được định nghĩa, cách tìm ước, bội, ƯC, ƯCLN, BCNN  **Phát triển năng lực:** năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ,...  **Phương pháp**: thuyết trình, vấn đáp, .. | | |
| - **GV**: Trước tiên ta ôn về phần lý thuyết.  Câu 5:  - **GV**: Cho HS đọc câu hỏi và lên bảng điền vào chỗ trống để được tính chất chia hết của một tổng.  ♦ Củng cố:  Tính chất chia hết không những đúng với tổng mà còn đúng với hiệu số của hai số.  **GV** viết tính chất chia hết của hiệu hai số lên bảng:    2. Bài tập:  Không tính, xét xem tổng (hiệu) sau có chia hết cho 6 không?    3. Dựa vào các tính chất chia hết mà ta không cần tính tổng mà vẫn kết luận được tổng đó có hay không chia hết cho một số và là cơ sở dẫn đến dấu hiệu chia hết cho 2; cho 3; cho 5; cho 9  Câu 6:  - GV: Yêu cầu HS đọc câu hỏi và phát biểu dấu hiệu chia hết.  - GV: Treo bảng 2.62 SGK cho HS quan sát và đọc tóm tắt các dấu hiệu chia hết trong bảng.  Câu 7:  - GV: Yêu cầu HS đọc câu hỏi và trả lời, cho ví dụ minh họa.  Câu 8:  - GV: Yêu cầu HS đọc câu hỏi và trả lời, cho ví dụ minh họa.  ♦ Củng cố:  - GV: Treo bảng 3.62 SGK   |  |  | | --- | --- | | Tìm ƯCLN | Tìm BCNN | |  |  |   Yêu cầu HS hoạt động nhóm hai bạn một bàn trong 3 phút sau đó viết các bước tìm ƯCLN và BCNN vào bảng  Cho HS quan sát. Hỏi: Em hãy so sánh cách tìm ƯCLN và BCNN ? | **HS**: Thực hiện các yêu cầu của GV.  - HS: Câu a không chia hết cho 6 (theo t.chất 2)  Câu b: Chia hết cho 6 (theo t.chất 1)  Câu c: Chia hết cho 6 (Vì tổng các số dư chia hết cho 6)  - HS: Phát biểu dấu hiệu.  - HS: Trả lời  - HS: Trả lời.  -HS hoạt động theo nhóm. Đại diện một nhóm lên trình bày kết quả.  Các nhóm khác bổ sung, nhận xét. | **Tiết 38. Ôn tập chương I (tiếp)**  **I. Lý thuyết**  **3. Các tính chất chia hết**  Tính chất 1:    Tính chất 2:    **\*Bài tập:**  Không tính, xét xem tổng (hiệu) sau có chia hết cho 6 không?    **4. Các dấu hiệu chia hết**  \* Bài tập:  Trong các số sau: 235; 552; 3051; 460.  a. Số nào chia hết cho 2?  b. Số nào chia hết cho 3?  c. Số nào chia hết cho 5?  d. Số nào chia hết cho 9?  **5. Số nguyên tố, hợp số**  **6. ƯC, BC, ƯCLN, BCNN** |
| **B.Hoạt động Luyện tập \_ Vận dụng**  **Mục tiêu:** Rèn kĩ năng tìm ước, bội, tìm ƯCLN, BCNN. Kĩ năng phân tích một số ra thừa số nguyên tố.  **Phát triển năng lực:** năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ,...  **Phương pháp**: thuyết trình, vấn đáp, .. | | |
| Phần bài tập lồng ghép vào các phần lý thuyết. Làm sau mỗi một phần lý thuyết.  **Bài 164(SGK\_Trang 63)**  - **GV**: Cho **HS Hoạt động nhóm.**  + Yêu cầu HS nêu thứ tự thực hiện các phép tính.  + Phân tích kết quả ra thừa số nguyên tố.  - **GV**: Cho cả lớp nhận xét. Đánh giá, ghi điểm  **Bài 165(SGK\_Trang 63)**  - **GV**: Hướng dẫn:  - Câu a: Dấu hiệu chia hết cho 3; cho 5  - Câu b: Áp dụng dấu hiệu chia hết cho 3 => a chia hết cho 3 và a lớn hơn 3 => a là hợp số  - Câu c: Áp dụng tích các số lẻ là một số lẻ, tổng 2 số lẻ là một số chẵn. => b chía hết cho 2 và b lớn hơn 2 => b là hợp số  - Câu d: Hiệu c = 2 => c là số nguyên tố.  **Bài 166(SGK\_Trang 63)**  a. Hỏi: ; Vậy x có quan hệ gì với 84 và 180?  b. **GV**: Hỏi:  . Vậy x có quan hệ gì với 12; 15; 18?  **Bài 167(SGK\_Trang 63)**  - **GV**: Treo bảng phụ ghi sẵn đề bài, cho HS đọc và phân tích đề.  - **GV**: Cho HS Hoạt độngnhóm.  - **GV**: Gọi đại diện nhóm lên trình bày.  - **GV**: Cho cả lớp nhận xét.  - **GV**: Nhận xét, đánh giá, ghi điểm.  - **GV**: Giới thiệu thêm cách cách trình bày lời giải khác. | - **HS**: Thảo luận nhóm và cử đại diện nhóm trình bày.  .  - **HS:** Trả lời.  - **HS**: Trả lời.  - **HS**: Trả lời.  - HS: x ƯC(84, 180)  - **HS**: Thực hiện yêu cầu của GV.  - **HS:** x BC(12; 15; 18)  - HS: Thực hiện theo yêu cầu của GV.  **- HS:** Thảo luận theo nhóm.  - **HS**: Thực hiện theo yêu cầu của GV. | **II. Bài tập**  **Bài 164(SGK\_Trang 63)**  Thực hiện phép tính rồi phân tích kết quả ra TSNT.    **Bài 165(SGK\_Trang 63)**  Điền ký hiệu vào ô trống.    **Bài 166(SGK\_Trang 63)**  a.Vì  ta có:    ƯCLN(84;180) =  = 12    và x > 6 hay  b. Vì:  và 0 < x < 300  Nên: x  BC(12; 15; 18)  12 = 22 . 3  15 = 3 . 5  18 = 2. 32  BCNN(12; 15; 18) =  = 180  BC(12;15; 18) ={0; 180; 360;..}  Vì: 0 < x < 300  Nên: x = 180. Vậy:B={180}  **Bài 167(SGK\_Trang 63)**  Theo đề bài:  Số sách cần tìm phải là bội chung của 10; 12; 15.    BCNN(10; 12;15)=  BC(10; 12; 15) = {0; 60; 120; 180; 240; ....}  Vì: Số sách trong khoảng từ 100 đến 150.  Nên: số sách cần tìm là 120 quyển. |

**3. Củng cố:**

- Cho HS đọc và tìm hiểu mục Có thể em chưa biết : Giới thiệu một số tính chất liên quan đến tính chia hết .

- Hệ thống lại kiến thức ôn tập. Khắc sâu qui tắc tìm ƯCLN, BCNN.

**4. Hướng dẫn về nhà:**

- Xem lại kiến thức cơ bản chương I và các dạng bài tập đã giải.

**-** Làm bài tập 168; 169/tr68 SGK

\* **Hướng dẫn** bài 169 (SGK) : Gọi số vịt là a (con) (0< a < 200)

Theo đề bài : a : 5 dư 4 => a có chữ số tận cùng là 4 hoặc 9

- Ôn tập chuẩn bị tiết sau kiểm tra 1 tiết.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: ……………… | Lớp: ……….. Tiết: ……. |

# Tiết 39: KIỂM TRA 45’ ( CHƯƠNG I)

1. **Mục tiêu:**

Qua bài này giúp học sinh:

1. **Kiến thức**:

* Kiểm tra mức độ nắm bắt kiến thức của học sinh về nội dung.
* Giúp Hs củng cố lại kiến thức đã học ở trong chương I về dấu hiệu chia hết, bôi và ước của số tự nhiên

1. **Kĩ năng**:

- Kiểm tra, đánh giá kỹ năng vận dụng của học sinh vào từng dạng bài cụ thể trong chương I.

**3. Thái độ**: Tích cực, tự giác, chủ động học tập, nghiêm túc, trung thực trong kiểm tra.

**4. Định hướng năng lực được hình thành:**

- Năng lực chung: năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ

- Năng lực chuyên biệt: năng lực tính toán, tư duy logic.

**II. Chuẩn bị của GV và HS:**

**1. Giáo viên:** Nghiên cứu soạn đề kiểm tra

**2. Học sinh:** Ôn tập chung, dụng cụ học tập, giấy kiểm tra

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Ổn định lớp:** Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

**2. Nội dung:**

**Phát đề kiểm tra.**

**A. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết** | | | **Thông hiểu** | | | **Vận dụng** | | | | **+** | |
| **Thấp** | | **Cao** | |  | |
| TNKQ | TL | TNKQ | | TL | TN | | TL | TN | TL |  |
| Tính chất chia hết trong tập hợp N | +Biết được cặp số nguyên tố cùng nhau  + Nhận biết một số thuộc hay không thuộc bội chung  + Biết được một số chia hết cho2 một số chia hết cho 4 thì tổng chia hết cho số nào  + Biết được kết quả phân tích một số ra thừa số nguyên tố  + Các phát biểu về số nguyên tố trong N  + Biết được a  b thì UCLN(a ;b) = b hoặc BCNN(a ;b) = b |  |  | | + Biết vận dụng tính chất chia hết của một tổng chứng minh 1 tổng (hiệu) chia hết cho cho 1 số  + Xác định được ước chung của nhiều số với điều kiện cho trước |  | | + Vận dụng tìm UC có điều kiện thông qua UCLN  vào các bài toán có lời văn |  | + Vận dụng BC có điều kiện thông qua BCNN tìm số nhỏ nhất chia có dư |  |
| **Số câu**  **Số điểm - TL%** | **6**  **3,0đ- 30%** |  |  | | **2**  **4,0 đ- 40%** |  | | **1**  **2,0đ – 20%** |  | **1**  **1,0đ – 10%** | **10**  **10,0 (100%)** |
| **Tổng số câu**  **Tổng số điểm**  **Tỉ lệ %** | **6**  **3**  **30%** | | | **2**  **4**  **40%** | | | **2**  **3**  **30%** | | | | **10**  **10**  **100%** | |

**B. ĐỀ BÀI**

1. **Trắc nghiệm:** (3 điểm)

*Khoanh tròn vào câu có nội dung đúng nhất (mỗi câu đúng ) 0,5đ*

**Câu 1**: Cặp số nào sau đây nguyên tố cùng nhau

A. B. C. D.

**Câu 2**: Số thuộc tập hợp BC(8; 12) là:

A. 4 B. 2 C. 12 D. 24

**Câu 3**: Số a chia hết cho 2 và số b chia hết cho 4 thì a + b chia hết cho

A. 2 B. 4 C. 6 D. 8

**Câu 4**: Số 120 phân tích ra thừa số nguyên tố là

A. B.  C. D. Cả A, B, C đều sai

**Câu 5**:Trong tập hợp N:

A. Số nguyên tố nhỏ nhất là 0 B. Không có số nguyên tố chẵn

C. Số nguyên tố chẵn duy nhất là 2 D. Mọi số nguyên tố đều tận cùng là chữ số lẻ

**Câu 6**: Cho  ;  thì BCNN(a,b) là:

A. 1 B.b C. a D. Một kết quả khác

**II. Tự luận:** (7 điểm)

**Bài 1**: (2đ) Chứng tỏ tổng (hiệu) sau là hợp số:

1.  b) 

**Bài 2**: (2đ)Tìm x ∈ N biết và 

**Bài 3**: (2đ) Một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài là 105m; chiều rộng 60m được trồng cây xung quanh vườn sao cho mỗi góc vườn có một cây và khoảng cách giữa hai cây liên tiếp bằng nhau. Tính khoảng cách lớn nhất giữa hai cây liên tiếp (biết khoảng cách giữa hai cây là một số tự nhiên)? Tính số cây lúc đó?

**Bài 4**:(1đ)Tìm số nhỏ nhất khi chia cho 2; 3; 4; 5; 6 thì dư 1 và khi chia cho 7 thì không còn dư ?

**C. ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM**

**I. TRẮC NGHIỆM:** Mỗi câu đúng 0,5 điểm **.**

***(Giáo viên tự trộn đáp án)***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| Đáp án | B | D | A | D | C | C |

**II. TỰ LUẬN:**

**Bài 1**: (2đ) Chứng tỏ tổng (hiệu) sau là hợp số: (mỗi ý đúng 1,0 điểm)

1. 

 là số lẻ,  là số lẻ 0,25 điểm

là số chẵn 0,25 điểm

 mà  0,25 điểm

Vậy là hợp số. 0,25 điểm

1. 

; 0,25 điểm

 0,25 điểm

 mà  0,25 điểm

Vậy là hợp số. 0,25 điểm

**Bài 2**: (2đ)Tìm x ∈ N biết và 

Vì   ƯC(72,96,120) 0,25 điểm

Ta có:  0,5 điểm

 ƯCLN(72,96,120)= 0,25 điểm

 ƯC(72,96,120) = Ư(24) =  0,5 điểm

Mà  

Vậy  0,5 điểm

**Bài 3**: (2đ) Một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài là 105m; chiều rộng 60m được trồng cây xung quanh vườn sao cho mỗi góc vườn có một cây và khoảng cách giữa hai cây liên tiếp bằng nhau. Tính khoảng cách lớn nhất giữa hai cây liên tiếp (biết khoảng cách giữa hai cây là một số tự nhiên)? Tính số cây lúc đó?

**Giải:**

Gọi x là khoảng cách lớn nhất giữa hai cây liên tiếp ; 

Ta có :  0,5 điểm

ƯCLN(105,60) = 15 suy ra x = 15 0,5 điểm

Vậy khoảng cách lớn nhất giữa hai cây liên tiếp là 15m 0,5 điểm

Khi đó tổng số cây là : (105 + 60).2 : 15 = 22 cây. 0,5 điểm

**Bài 4**:(1đ)

 0,25 điểm

BCNN(2 ;3 ;4 ;5 ;6) = 60

 0,25 điểm

 0,25 điểm

Vì x là số nhỏ nhất chia hết cho 7 nên x = 301 0,25 điểm

**- Hết -**

***Hết giờ***: Giáo viên thu bài của học sinh.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Giao việc về nhà*** (1 phút)  ***Mục tiêu: -*** HS chủ động làm lại các bài tập.  - HS chuẩn bị bài giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau. | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | HS Về nhà làm lại các bài tập trong đề kiểm tra |